

**Kinh Thủ Lăng Nghiêm**  
**Quán Thế Âm Bồ Tát**  
**Nhĩ Căn Viên Thông Chương**  
**Tập 10**

**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyển ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**

Xin mở kinh ra, hàng thứ bảy. “Tam giả, quán thính toàn phục, linh chú chúng sanh, đại thủy sở phiêu, thủy bất năng nịch”. 14 loại vô úy này, trong đó đoạn thứ ba, ở trước nói về hỏa bất năng thiêu, ở đây nói: “thủy bất năng nịch”.

Thế gian thường nói: “nước lửa vô tình”. Cũng vậy, về lý cũng có nói, về sự cũng có nói. Nếu về lý chúng ta quán thông, về sự nhất định có cảm ứng. Duyên của cảm ứng khá phức tạp, không phải đơn thuần. Cổ nhân nói, tánh vẫn thuộc về nước. Trong y học chúng ta cũng cho rằng, tai và thận có liên quan, cho nên “quán thính toàn phục”. Nước có thể trở về gốc của nó, cho nên nói “thủy bất năng nịch”.

Trong Phật pháp có rất nhiều ý nghĩa biểu pháp, Phật pháp dùng lửa biểu trưng cho sân nhuế, nước biểu trưng cho tham ái, đây là nặng nhất trong ba độc phiền não. Nếu trong quá trình tu học, chúng ta có thể phản văn, “toàn phục” chính là phản văn. Có thể khiến tánh thấy của chúng ta toàn phục, tánh nghe toàn phục, như Bồ Tát Quán Thế Âm nói, phản văn văn tự tánh, công đức này có thể đoạn phiền não tham sân. Vì sao vậy? Vì không còn phan duyên cảnh giới, như vậy lửa sân không thể đốt, nước ái không thể chìm. Chúng ta có thể đoạn lửa sân và nước ái, là có năng lực vượt thoát tam giới, đây là đạo lý nhất định.

Đoạn thứ tư nói. “Tứ giả, đoạn diệt vọng tưởng, tâm vô sát hại, linh chú chúng sanh, nhập chư ma quốc, quỷ bất năng hại”. Ý đoạn này rất rõ ràng, quỷ là lấy ám uẩn làm tướng nhân, lấy sát hại làm đọa duyên. Đương nhiên trong đường quỷ cũng có thiện, nhưng ác nhiều thiện ít, trong kinh điển chúng ta thấy rất nhiều. Người thế gian gọi quỷ là ác quỷ, đó là đáng ghét. Trong Phật pháp gọi là ngạ quỷ, ngạ quỷ là một thông xung, vì sự đói khát trong đường ngạ quỷ rất phổ biến. Từ đây mà nói, gọi họ là ác quỷ cũng rất có đạo lý, quỷ đại đa số đều bất thiện, thường hại người. Nhưng như Thiên thai tông nói: “bách giới thiên như”, trong mỗi giới đều đầy đủ mười pháp giới, trong nhân pháp giới cũng có quỷ đạo. Chúng ta thấy họ là một người, nếu họ có tâm hiểm ác, thủ đoạn độc ác, tôn người lợi mình, tham dục không chán, ta biết rằng, nghiệp họ tạo tương ưng với đường ngạ quỷ. Tuy hiện tại vẫn ở cõi người, khi họ đánh mất thân người, nhất định tương ưng với quỷ đạo, đây là quỷ đạo trong cõi người.

Bồ Tát tu tâm từ bi, mặc dù là kẻ ác, người hiểm độc, thấy người từ bi họ cũng không làm tổn hại. Đây chính là “nhập chư quý quốc, quý bất năng hại”. Đây là lấy từ tâm tam muội có thể giải trừ ách nạn này.

Như những phương pháp tu học này, Bồ Tát đang trong quả địa, đương nhiên không có vấn đề gì, 14 vô úy đều đã thành tựu. Thượng thượng pháp của Phật pháp, hiện nay chúng ta cũng có thể tu học. Cho nên nói, pháp môn của Chư Phật Như Lai, trong quá trình tu tập, chúng ta cũng có thể kiêm tu, nhưng nhất định phải phân biệt rõ ràng chủ và khách. Vì hiện tại ta chưa đoạn tận phiền não, tập khí, cần phải lấy tam học làm chủ. Nếu đoạn tận tập khí nghiệp chướng, lúc này lấy tam tuệ làm chủ.

Như trong kinh này nói: “Phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”, tức là pháp tu học xả thức dùng căn, đây là pháp tu cao cấp nhất. Thành tựu của ngài là đại định Lăng Nghiêm của Như Lai quả địa, điều này phải có thứ tự.

Có rất nhiều người hỏi tôi, trước đây tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm, có không ít người sau khi nghe xong rất muốn tu học, nhưng đây là việc không thể. Đó là do tập khí, nghiệp chướng, phiền não của quý vị quá sâu nặng. Nếu học phương pháp này sẽ không đắc lực, ngược lại còn sanh chướng ngại. Nghĩa là học tập nhất định phải đi theo thứ tự, biết căn tánh mình, biết trình độ mình, cũng biết hoàn cảnh sống hiện tại của chúng ta. Cần phải tu học như thế nào, nhất định phải đặt nền móng thật vững chắc.

Chúng ta thấy cổ nhân tu học, trước tiên cầu căn bản trí. Chúng ta từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, trèo cao té nặng. Cao như vậy, kết quả sau cùng nhất định đọa lạc, mà còn dễ bị mê muội, rất nhiều người mê muội đều do nguyên nhân này. Chúng ta phải biết, vì sao họ mê muội? Vì họ kỳ vọng quá cao, nghiệp chướng họ quá nặng, sao không mê muội được?

Người học Phật, bất luận là tông môn hay giáo môn, bắt đầu phải lấy căn bản trí làm chủ. Cầu căn bản trí từ đâu? Cầu từ giới định tuệ, cầu từ phá ngã chấp, đoạn hai chướng, đây mới là biện pháp căn bản. Nói đến tu hành về mặt sự tướng, phải từ hiểu thân tôn sư trọng đạo, đặt nền tảng căn bản từ đây.

Bốn nguyện trong thập đại nguyện vương là tu căn bản trí. “Lễ kính Chư Phật”, đối với tất cả mọi người đều phải có tâm cung kính. Như trong Kinh Hoa Nghiêm. Kinh Viên Giác nói: “Tất cả chúng sanh vốn thành Phật”, chúng ta có làm được chăng? Không làm được, nên tảng chúng ta không vững chắc, muốn vượt bậc quá nguy hiểm, tuyệt đối là điều không thể.

“Xưng tán Như Lai”, chúng ta đã làm được chưa? Phải chăng đối với mỗi người chúng ta đều tán thán? Nếu ta nói, người đó căn bản không có điểm nào đáng để ta tán thán, vậy là sai. Người dù ác đến đâu cũng có một hai điều thiện, nói một người trong đời hoàn toàn làm ác, không tìm thấy một điều thiện nào, người như vậy cũng không dễ tìm. Chỉ có thể nói, thiện ác

nhiều hay ít, còn nói thuận thiện hay thuận ác, đại khái không tìm ra. Dù chúng sanh trong địa ngục a tỳ, họ vẫn còn vài hạt giống thiện, lời nói thiện hành vi thiện đáng để chúng ta tán thán.

Cổ đức dạy chúng ta ần ác dương thiện, đây là xưng tán Như lai.

Thứ ba “quảng tu cúng dường”, chúng ta làm được chưa? Có thể mọi người nói, tôi không có năng lực cúng dường, không có năng lực phải có tâm. Nói đến quảng tu cúng dường, nói thật, mỗi người đều làm được, chỉ là ta không chịu làm. Chư vị nghe đến cúng dường, đều nghĩ đến cúng dường về phương diện tài vật, cúng dường vật chất, không phải ý của Phật pháp. Tài cúng dường, quý vị xem trong kinh dạy rằng, đó là phước báo, là phước báo hữu lậu, không phải công đức. Tài cúng dường ta có thể gọi là thí chủ, không thể xưng là phước điền. Pháp cúng dường là phước điền, là vô lậu. Ta không thể cho người khác pháp, không thể cho người khác mà bản thân tu hành, tinh tấn tu hành chính là quảng tu cúng dường. Nếu không tin, trong tứ hoằng thệ nguyện nói rất rõ ràng về ý nghĩa này, trong giảng đường chúng tôi cũng thường nói đến.

Nguyện thứ nhất của tứ hoằng thệ nguyện là “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, thử nghĩ xem phải chăng là quảng tu cúng dường? Ở sau là đoạn phiên não, học pháp môn, thành Phật đạo đều vì nguyện thứ nhất. Vì thế bản thân ta tu hành chứng quả chính là quảng tu cúng dường, đừng cho rằng chúng ta không làm gì, mà là quảng tu cúng dường sao? Là quảng tu cúng dường. Ta tu hành thành tựu, được tâm thanh tịnh, khai ngộ, chứng được nhất tâm, người ở đây có phước báo. Người vùng này không có phước báo, quý vị thử nghĩ xem, sao lại có Phật Bồ Tát xuất hiện tại thế gian? Có một người tu hành chứng quả, người nơi này có phước, không có phước sẽ không xuất hiện người này. Ta tu hành chứng quả, đối với trời người mà nói, tức là quảng tu cúng dường. Chúng ta phải hiểu ý này.

Nguyện thứ tư là “sám hối nghiệp chướng”, sám hối nghiệp chướng. Bốn nguyện ở trước của thập đại nguyện vương là nền tảng tu hành, không có nền tảng sẽ không có thành tựu. Ta phải nỗ lực học tập, học lễ kính, học tán thán, học cúng dường, học sám hối. Tinh tấn học tập những điều này, căn bản vững chãi mới có thể tu pháp môn thượng thượng, đây là đạo lý nhất định.

Tánh nghe, ở đây Bồ Tát Quán Thế Âm tu là tánh nghe, chứ không phải nhĩ thức. Nhĩ thức là hư vọng, là pháp sanh diệt. Tánh nghe là trạm nhiên, không phải pháp sanh diệt, cho nên công đức này rất lớn. Xả bỏ tâm ý thức, sanh ra oai đức vô tận, oai đức này khởi cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh. Khi chúng sanh gặp khổ nạn, chí tâm xưng danh, điểm này rất quan trọng. Ta niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm phải chí tâm niệm, liền có thể vượt qua khổ nạn. Thông thường chúng ta nói, chí tâm tức là nhất tâm.

Trong nhất tâm tuyệt đối không có vọng niệm, liền cảm ứng đạo giao với thần lực Bồ Tát. Nó khởi tác dụng, có thể tiêu trừ tất cả hoạn nạn ma quỷ.

Đoạn tiếp theo nói về kiếp đao binh. “Ngũ giả, huân văn thành văn, lục căn tiêu phục, đồng ư thanh thính, năng linh chúng sanh, lâm đương bị hại, đao đoạn đoạn hoại, sử kỳ binh qua, do như cát thủy, tánh vô động dao”. Đúng là ngày xưa có những điều này, nhưng không phải thường có. Do đó người có thiện căn phước đức sâu dày họ tin, người thiện căn phước đức mỏng họ không tin, đó chính là không thường có. Đạo lý trong này rất thâm sâu.

Phàm phu bình thường, nhĩ căn tiếp xúc với thanh trần, trong đó sanh ra nhĩ thức. Thức có phân biệt, có phân biệt tức là tương đối. Vì có tương đối, cho nên đao khởi tác dụng, đao thương liền khởi tác dụng. Bồ tát xả thức dùng căn, căn là tánh nghe, tánh nghe là bản giác. Nội huân của bản giác thành tánh nghe thuần chân. “Huân văn thành văn”. “Huân văn” ở trước là nội huân của bản giác, “thành văn” thành tựu tánh nghe thuần chân, cho nên mới có biện pháp gọi là “lục căn tiêu phục”. “Tiêu” là tan chảy, “phục” là thành một thứ. Nói cách khác, lúc này đem thân mình hòa vào cảnh giới không có hình tướng, cảnh giới này người có ngòi thiên dễ lãnh hội được. Có một vài đồng tu đang ngòi thiên, khi có công phu tương đối, họ cảm thấy thân thể này không tồn tại. Đa số người đều cảm thấy từ ngực trở xuống dường như không có, người rất nhẹ nhàng, cảnh giới này rất nhiều người có. Công phu cao hơn một chút, toàn thân đều không còn nữa. Chư vị phải biết, nếu ta cảm thấy toàn thân không tồn tại, thân thể mình hợp thành một với toàn thể vũ trụ, lúc này đao thương không còn phát sanh tác dụng. Đây là lúc ngòi thiên, đạt được công phu thượng thừa. Tuy nói công phu thượng thừa, họ chỉ có cảnh giới này trong lúc tĩnh tọa, tức khi nhập định có cảnh giới này hiện tiền, cảnh giới này khá cao. Xuất định cảnh giới này không còn, vậy không được. Khi công phu rất ráo, đi đứng ngòi nằm đều thuộc cảnh giới này. Thân này biến thành như thế nào? Như có như không. Quý vị nói không có, có thân này. Nếu nói có, bản thân không có cảm giác, cảm giác của chính mình hợp thành một với hư không pháp giới. Nói cách khác, chẳng những khi ngòi thiên mới xuất hiện cảnh giới này, mà không thiên định cũng trong cảnh giới này, đây là đại định, định này mới có lợi ích. Bồ Tát Quán Thế Âm thì càng không cần nói, cảnh giới này, có thể nói viên giáo sơ trụ Bồ Tát trở lên đều có. Người niệm Phật nếu niệm đến lý nhất tâm bất loạn, cũng đạt được cảnh giới này. Người học thiên, trong lúc thiên định sẽ xuất hiện cảnh giới này. Người niệm Phật, lúc đang niệm câu Nam mô A Di Đà Phật cũng được cảnh giới này, họ không cần ngòi thiên, cũng có thể cảm nhận được toàn bộ thân thể không còn nữa, hợp thành một với hư không.

Do đây có thể biết, pháp môn niệm Phật và thiên định không giống nhau, nhưng công phu thành tựu, công phu thành tựu đạt được cảnh giới quả thật

không hai. Đây là Bồ Tát Quán Thế Âm, trước tiên ngài nói ra tam muội mà ngài chứng được, sau đó có thể khiến chúng sanh khi đang bị hại, chỉ cần thành tâm thành ý niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, ngài liền khởi tác dụng cảm ứng.

Như vừa mới nói với chư vị, thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, hợp thành một với hư không pháp giới, ở đâu không có ngài? Thế mới gọi là thiên xứ kỳ cầu thiên xứ ứng, cảm ứng đạo giao. Ngài hòa vào trong thời gian và không gian, hiện diện mọi lúc mọi nơi, không nơi nào không có, vấn đề là ta làm sao để khởi cảm ứng với ngài? Bình thường ta niệm một câu Bồ Tát Quán Thế Âm, miệng lúc nào cũng Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát, tâm và miệng không tương ứng, vì vậy không thể cảm ứng đạo giao. Đến khi nào mới hoàn toàn cảm ứng? Đến phần văn văn tự tánh là hoàn toàn cảm ứng.

Như vừa nói, cảnh giới này quá cao, ta muốn học cũng không học được. Giới hạn thấp nhất, quý vị biết Bồ Tát Quán Thế Âm đại từ đại bi, chúng ta niệm một câu danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, khiến cho tâm từ bi của mình xuất hiện, như vậy sẽ khởi cảm ứng. Tuy không phải hoàn toàn cảm ứng, nó có phần cảm ứng. Nhưng tâm từ bi từ đâu sanh ra? Từ tâm thanh tịnh sanh ra. Cho nên nói, nếu chưa đoạn phiền não thị phi nhân ngã, tâm từ bi không sanh khởi, muốn hiện ra cũng không hiện được. Bình thường chúng ta gọi là tâm bồ đề, tâm bồ đề, vì sao chúng ta không nói “trực tâm vi bản, phương tiện vi môn”, vì sao không nói như vậy? Vì sao không nói “thâm tâm vi bản, phương tiện vi môn?” Mà phải nói “từ bi vi bản, phương tiện vi môn?” Vì sao nói từ bi? Vì nói từ bi, ở dưới đều bao gồm hết, vì sao vậy? Vì từ bi sanh ra từ thâm tâm, từ tâm thanh tịnh, nói từ bi đương nhiên có tâm thanh tịnh. Thanh tịnh tâm từ đâu sanh ra? Từ trực tâm, bình đẳng tâm sanh ra. Như chúng ta nói đến một ngôi nhà lầu, ngôi nhà ba tầng. Nói đến tầng thứ ba, nhất định bao gồm tầng một và tầng hai, nói tầng một không nhất định bao gồm tầng hai, cũng không nhất định bao gồm tầng ba. Nói ở trên, nhất định bao gồm ở dưới, chính là đạo lý này.

Hàng sơ học cầu căn bản trí, tu tâm bình đẳng, tu tâm thanh tịnh, mục đích tu học giới định tuệ chẳng qua là như vậy mà thôi, chúng ta phải biết điều này. Thần lực Bồ Tát gia trì, chúng ta có thể tiêu trừ thiên tai.

Mấy câu tiếp theo. “Sử kỳ binh qua, do như cát thủy, diệc như xuy phong, tánh vô động dao”. Bởi vì nếu thân này có phân biệt chấp trước, cho rằng có hình tướng, đao sẽ phát huy tác dụng. Chư Phật Bồ Tát, người có đạo không thể bị hại, thân của họ như hư không, cho nên không thể khởi tác dụng. Năng lực này, không những nhà Phật nói ra đạo lý này, trong thuật Du già cũng có. Tu đến phân biệt chấp trước đều không có, thân thể này không bị mọi thứ bên ngoài thương tổn, bên ngoài thương tổn. Trong này có đạo lý rất thâm sâu, đạo lý này từ cương lĩnh mà nói, kinh điển nói rất nhiều. Kinh Kim Cang nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, “nhất thiết hữu vi pháp, như

mộng huyễn bào ảnh”. Chư vị thử nghĩ xem, thân này của chúng ta là pháp hữu vi, mộng huyễn bào ảnh. Đao cũng là pháp hữu vi, cũng như mộng huyễn bào ảnh, do đó hai bên không có chướng ngại. Như Kinh Hoa Nghiêm nói, sự sự vô ngại, chưa đến cảnh giới này là có chướng ngại, có chướng ngại tức có thương tổn. Trong kinh luận đại thừa, Phật đều phát minh những thật tướng vi diệu, cũng chính là chân tướng sự thật.

Bồ Tát tiêu trừ sáu căn, giống như vô hình, cho nên họ không bị nạn binh đao. Chúng sanh cảm ứng đạo giao với Bồ Tát trong thời gian ngắn ngủi, cũng đạt đến cảnh giới này. Ở trước nói với chư vị, nhất tâm xưng niệm, hai chữ nhất tâm này rất quan trọng, vì nhất tâm vong ngã. Chẳng những cái tôi không còn, ngã chấp không còn, mà pháp chấp cũng không còn. Nếu có ngã chấp, có pháp chấp là không nhất tâm.

Quý vị xem, trong pháp môn niệm Phật thường nói, sự nhất tâm phá ngã chấp, lý nhất tâm phá pháp chấp. Nhất tâm xưng niệm trong thời gian cực kỳ ngắn ngủi, lúc này là ngã chấp pháp chấp, khi đó đao binh không thể tổn hại, cũng chính là trong Kinh Hoa Nghiêm nói, sự sự vô ngại. Vừa có một niệm, đao binh vẫn có thương tổn, vì sao vậy? Vì ta chưa được nhất tâm, vẫn rơi vào trong ý thức. Trong ý thức có phân biệt, có chấp trước, đối lập. Đối lập tức có xung đột, có tổn thương, có phá hoại. Trong nhất tâm không có đối lập, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, vọng và vọng không chướng ngại nhau. Vì thế lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, đạo lý là đây, công phu này rất cao.

Phàm phu chúng ta ngẫu nhiên tương ứng trong chùng một niệm, chính là cổ đức nói: “nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”, đạo lý là như vậy. Sau khi hiểu rõ đạo lý này, trong sự tương ứng nước lửa đao binh đều không tổn thương được. Thật sự rơi vào lửa lớn, lửa không thể đốt cháy. Nhảy vào trong nước, nước không thể nhấn chìm, đao binh không thể tổn thương, điều này không hề giả. Đây không phải thần thoại, mà là sự thật. Chúng ta hiểu đạo lý này, sẽ biết vấn đề này có khả năng. Nếu không hiểu đạo lý này, thấy những đoạn kinh văn này đều cho là thần thoại, không thể nghĩ bàn, làm gì có đạo lý này. Ta niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, đao binh không làm hại được, nhưng vẫn tổn thương như thường, là ta không hiểu đạo lý này, niệm không như pháp, niệm chưa rốt ráo. Nếu hiểu rõ đạo lý này, niệm như pháp, công phu đã rốt ráo. Quả thật như trong kinh nói, đây chính là trong kinh Phật nói, không có vọng ngữ, mỗi một câu đều là lời chân thật.

Xem tiếp đoạn bên dưới. “Lục giả, văn huân tinh minh, minh biến pháp giới, tắc chư u ám, tánh bất năng toàn, năng linh chúng sanh, được xoa la sát, ưu bàn trà quý, cập tỳ xá già, phú đơn na đẵng, tuy cận kỳ bàng, mục bất năng thị”. Đoạn này nói về quý thấy, quý thân là lấy u ám xưng tánh, cho nên họ ở trong bóng tối cũng có thể thấy, trong ánh sáng họ không nhìn thấy

được. Thông thường chúng ta nói, quỷ thần xuất hiện ban đêm nhiều hơn ban ngày.

Một số người tu hành có chút công phu, họ có thể thấy quỷ. Như trước đây tôi có một người đồng tu, pháp sư Minh Diễm, lúc đó ông đang học Mật tông với thượng sư Quạt Ương Quang tại Đại Khê, ông học được ba năm. Ông nói với tôi ông nhìn thấy quỷ, ông thấy quỷ không phải ngẫu nhiên, mà ngày nào cũng thấy, như ta thấy người vậy, ngày ngày thấy. Ông nói, khoảng thời gian hoàng hôn bốn năm giờ chiều, trên đường bắt đầu có quỷ, nhưng rất ít không nhiều. Đến chín mười giờ tối, khắp đường đều có quỷ, như con người chúng ta vậy, đều xuất hiện. Có thể thấy, tính chất của quỷ là u ám. Lời ông ta nói tuyệt đối đáng tin, tuyệt đối không phải vọng ngữ.

Ở đây nói, là quang minh của bản tánh chúng ta hiển lộ ra, chứ không phải nhìn thấy ánh sáng, không phải nhìn thấy ánh sáng mặt trời, cho nên nói “văn huân tinh minh”. “Tinh minh” là nói đến công phu. Công phu phản văn văn tự tánh đến lúc tinh minh, lúc này ánh sáng biến pháp giới, ánh sáng trí tuệ bát nhã trong tự tánh có thể chiếu khắp pháp giới. Chiếu khắp pháp giới, pháp giới là gì? Trong kinh điển Tịnh độ gọi là thường tịch quang, đại thừa Phật pháp gọi là đại quang minh tạng, đại quang minh tạng chính là thường tịch quang mà Tịnh độ thường nói, cảnh giới này hiện tiền. Trong thường tịch quang, trong đại quang minh tạng không có quỷ thần. Tuy có quỷ thần, quỷ thần không nhìn thấy. Quỷ thần nhìn cũng không thấy quý vị, mà họ muốn làm hại ta, đó là điều không thể. Trong nhiều đời kiếp, chúng ta có rất nhiều oan gia đối đầu, điều này không thể tránh khỏi. Những người này vẫn chưa quên oán hận, thường muốn đến trả thù. Hiện nay ta đã nhập vào đại quang minh tạng, nhập vào thường tịch quang, họ tìm không thấy chúng ta, ở đây chính là nói về điều này. Vì thế những ác quỷ, la sát “tuy ở cận bên họ, mắt không nhìn thấy”, không thấy được mình.

Quang, quang do tịnh mà có. Ở trước Kinh Lăng Nghiêm có nói: “tịnh cực quang thông đạt”, tâm ta cực kỳ thanh tịnh sẽ có quang minh. Lại nói cho chư vị biết, tịnh không có nghĩa từ sáng đến tối xếp bằng diện bích gọi là tịnh, cũng không phải thân tâm bất động gọi là tịnh. Việc gì cũng làm, tiếp xúc với mọi cảnh giới, trong Kinh Kim Cang Đức Phật dạy: “không chấp tướng, như như bất động”, đây gọi là tịnh.

Khi Chư Phật Bồ Tát thị hiện tại thế gian, như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm, dấu chân ngài đi khắp Ấn độ, ngài ở trong thường tịch quang. Trong các buổi giảng, tôi cũng thường nói với quý vị về điều này. Đức Phật nói tất cả pháp, nói mà không nói, không nói mà nói, đây là thường tịch quang. Không nói là thường tịch, nói là phóng quang. Nói và không nói là đồng thời, không có trước sau, khi đang nói chính là đang tịch. Tịch và chiếu là đồng thời, không có trước sau, tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch. Ngài trú trong thường tịch quang,

ngài trú trong đại quang minh tạng, còn cao hơn cõi thật báo trang nghiêm, còn cứu cánh hơn, viên mãn hơn, vấn đề là như vậy. Đây là cảnh giới của Chư Phật Bồ Tát.

Trong lúc giảng kinh, nhiều ít chúng tôi cũng có nói với quý vị đôi điều, bản thân nhất định phải chứng được. Vì chứng được mới có lợi ích, không chứng được lợi ích đâu ra? Chứng được là thật chứng. Chúng ta nói chứng được rất khó, khó ở chỗ nào? Khó là do ta chưa đoạn được vọng tưởng.

Cổ nhân dùng một ví dụ để hình dung Phật thuyết pháp, gọi là “dĩ tiết xuất tiết”. Tiết là gì? Ngày xưa cái mộng, nơi tiếp mộng không phải dùng đinh, bây giờ dùng đinh. Chẳng hạn như cái quạt này vậy, ở giữa có một cái ghim xuyên vào trong đó, ta muốn lấy nó ra thì phải như thế nào? Ta dùng một cây ghim khác đặt lên nó rồi gõ, khi đặt lên nó gõ cây ghim này rơi ra. Khi rơi ra phải như thế nào? Bên này cũng không cần, chúng ta mới đạt được mục đích. Tốt, lấy ra được cái ghim bên này, cái ghim kia lại lọt vào trong, đây là ví cái khó của phàm phu. Vì ta có tà tri tà kiến, Phật nói pháp đồng nghĩa nói một loại tri kiến khác, muốn đánh tan tà tri tà kiến của mình. Tốt, ta đã buông bỏ tri kiến đó, tiếp thu tri kiến của Phật, ta lại chấp trước ở trong đó. Đây chính là nguyên nhân khiến ta vĩnh viễn không thể khai ngộ. Chư vị hiểu ý nghĩa này, đây chính là phân biệt chấp trước. Phân biệt chấp trước thứ nhất bị Phật phá trừ, đó là chấp trước có. Đức Phật nói với ta, ngài nói về không, nói về không là gì? Nghĩa là cái mộng của ta ra khỏi. Tốt, ta không chấp trước có nữa, lại chấp vào không, điều này rất khó. Đây tức là không hiểu ý nghĩa Phật thuyết pháp, Phật không có pháp để nói, Phật không nói pháp. Nếu ta đối với Pháp Phật nói khởi phân biệt, khởi chấp trước, vậy là sai. Do mình sai không phải do Phật, vì Phật từng nói ngài không có nói pháp.

Trong kinh lại có ví dụ, tất cả pháp Phật nói ví như hoàng diệp chỉ đề. Lại nói chúng sanh như bệnh, Phật pháp như thuốc, thuốc để trừ bệnh cho ta, khi bệnh lành thuốc không cần nữa. Vì vậy có Phật pháp chẳng? Không có Phật pháp, đây đều là Phật pháp nói đến chỗ cứu cánh. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, hiểu ý nghĩa này, đối với Phật pháp mới có lợi ích thật sự, thật sự đối trị tập khí từ vô thủy kiếp đến nay của chúng ta.

Không hiểu ý này, trái lại còn chấp trước Phật pháp, điều này rất phiền phức. Vĩnh viễn không thể giải thoát, vĩnh viễn trầm luân trong sanh tử luân hồi, tuyệt đối không thể thoát ra. Đây chính là chết trong danh cú, đâu biết rằng danh cú đều là giả, đều không phải thật.

Xem tiếp đoạn bên dưới, đoạn thứ bảy già tóa: “Thất giả, âm tánh viên tiêu, quan thính phản nhập, ly chư trần vọng, năng linh chúng sanh, cầm hệ già tóa, sở bất năng trước”. Lý này giống ở trước, ta có năng văn sở văn là phàm phu, cảnh giới ta trú là cảnh giới tương đối. Cảnh giới tương đối, ta bị



mọi sự, mọi trần lao trói buộc, mỗi phàm phu lục đạo đều như vậy. Cho nên gọi là sanh tử phàm phu, không cách nào giải thoát.

Bồ Tát đến đây là “âm tánh viên tiêu”, nghĩa này là nói tình thức dung hóa, cũng chính là trong Duy thức nói, chuyển bát thức thành tứ trí. Lúc này như ở trước nói, hai tướng động tĩnh liễu nhiên bất sanh. Vì thế mới “quán thính phản nhập”, nhập nhất vong lục, nhất lục câu vong, tức trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là nhất chân pháp giới.

“Ly chư vọng trần”, trần là vọng căn, cũng là vọng. “Ly chư vọng trần”, đây là dùng một thứ để tượng trưng, căn trần thức đều lìa. Căn trần thức đều lìa, chư vị thử nghĩ xem, còn ai trói buộc được ta? Già tòa đương nhiên không thể trói buộc.

Bây giờ chúng ta nhìn thấy kinh văn này, đây không chỉ trong Kinh Lăng Nghiêm có, mà Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Phổ Môn nói càng tường tận hơn. Thấy nói đến già tòa, chính là ngày xưa người có tội mang gông, mang còng, ta liền nghĩ đến những điều này. Tất nhiên đây là một loại xiềng xích, phạm vi của nó rất lớn. Phiền não là xiềng xích, vô minh là xiềng xích.

Một người trong xã hội, cái lụy của thân khẩu là xiềng xích. Hay nói cách khác, tam giới lục đạo là đại lao ngục, ta ở trong đó tạo nghiệp thọ báo chính là xiềng xích. Mấy ai giác ngộ điều này? Nhất định phải mang gông mang xiềng, đây mới là xiềng xích. Bồ Tát Quán Thế Âm, xin ngài đến cứu con. Đâu biết rằng, hiện nay ta sống trong xã hội này, toàn thân đều là xiềng xích, mọi thứ đều không được tự tại. Đó không phải xiềng xích thì là gì? Phương pháp giải thoát, Bồ Tát Quán Thế Âm thị hiện ra những phương pháp lý luận, ta y theo phương pháp lý luận này tu học. Công phu tu học rất ráo, xiềng xích này liền được giải thoát. Trong tam giới, căn trần thức không còn trói buộc ta nữa. Chúng ta tu như vậy, thần lực của Bồ Tát Quán Thế Âm và sức mạnh của chính mình, có thể kết hợp thành nhất thể, cảm ứng đạo giao. Đây là thần lực của Bồ Tát gia trì.

“Bát giả, diệt âm viên vãn, biến sanh tử lục, năng linh chúng sanh, kinh quá hiểm lộ, tặc bất năng kiếp”. “Tặc” chỉ cho đạo tặc, đây là nói rõ hiệu quả do cảm ứng sanh ra. Trong kinh văn nói: “diệt âm viên vãn”, “diệt âm” là nói ngoại thoát thanh trần, “viên vãn” là nội chứng tánh nghe. Nội ngoại nhất như, biến mãn dung nhiếp tất cả. Trong tâm bồ đề nói về trực tâm, thâm tâm, như trong Kinh Viên Giác gọi là tâm thanh tịnh. Tâm mình đã thanh tịnh, tâm đã thanh tịnh, thật sự từ bi. Chúng ta thường gọi là tâm vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, tự nhiên hiển lộ ra. Vì thế có thể cảm hóa đạo tặc, khi gặp đạo tặc ta có thể cảm hóa họ. Có thể quý vị nói điều này khiến người ta rất khó tin.

Đại sư Ấn Quang cách chúng ta không xa lắm, người của đầu năm dân quốc. Chúng ta đọc truyện ký của ngài, sức từ bi của đại sư Ấn Quang có thể cảm động kiến gián, bọ chết. Đến những côn trùng như kiến, bọ chết, gián,

ruồi đều được ngài cảm hóa, huống gì con người? Trong căn phòng trước đây ngài ở có những con vật này, có những con côn trùng gián bọ này, thị giả của ngài tìm cách đuổi chúng đi. Trong Phật pháp không sát sanh, chỉ đuổi chúng đi. Ngày xưa trong chùa dùng ống tre để bắt những con vật đó, nhốt vào trong ống tre rồi đem ra bên ngoài thả. Tổ sư Ấn Quang bảo thị giả không cần làm thế, ngài nói cứ để chúng ở đó. Để chúng lại làm gì? Để bản thân sanh tâm hổ thẹn, mình không có đạo đức, không thể cảm hóa nó. Bản thân thật sự có đạo đức, những con vật này tự nhiên đi nơi khác, tức chúng sẽ dọn nhà. Mình chưa đủ tâm từ bi, mới còn những con vật này, tâm từ bi chưa đủ. Lúc tổ sư Ấn Quang 70 tuổi về sau, mọi người mới phát hiện trước 70 tuổi, trong phòng ngài ở vẫn còn những con vật này. Sau 70 tuổi, trong phòng này vốn có rất nhiều kiến gián, chỉ cần ngài vào ở trong đó, hình như không còn con vật nào, tất cả đều đi hết.

Điều này chúng ta thấy trong truyện ký của tổ sư Ấn Quang, đến côn trùng, kiến, bọ chét, gián đều đi nơi khác, huống gì đạo tặc? Chỉ có một tình hình đạo tặc tổn thương đến mình, đó là gì? Do đời trước ta nợ mạng họ, nợ mạng phải trả mạng, nợ tiền phải trả tiền. Đời trước mình không có khúc mắc gì với họ, họ sẽ bị ta cảm hóa.

Chúng ta đọc An Thế Cao Truyện Ký, ngài An Thế Cao là một cao tăng đắc đạo, ngài đến Quảng Châu Trung Quốc để trả hai lần mệnh trai, đó là ngoại lệ. Ngoài điều này ra, nhất định bị cảm hóa. Đây là nói “biến sanh bi lực, năng linh chúng sanh, kinh quá hiểm lộ, tặc bất năng kiếp”. Nghĩa là người niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, cần phải tương ứng với lý sự của Bồ Tát Quán Thế Âm, mới có thể sanh ra sức mạnh này. Bản thân họ dù ở trong đường hiểm, gặp phải đạo tặc, họ không có tâm sợ hãi.

“Cửu giả, huân văn ly trần, sắc sở bất kiếp, năng linh nhất thiết, đa thâm chúng sanh, viễn ly tham dục”. “Huân văn ly trần”, câu này là nói huân ở chỗ văn căn, khi hiểu rõ trần tánh không tịch, căn trần không còn nữa. Căn trần không hợp, biết được sắc tánh, như ở trước chúng ta đọc trong tứ khoa thất đại: “Bồn Như Lai tạng, diệu chân như tánh”. Sắc tánh, văn tánh vốn không phải hai tánh. Không những sắc tánh và văn tánh, tứ khoa thất đại bao quát hết tất cả pháp thế xuất thế gian, đều là Như Lai tạng, diệu chân như tánh. Nói cách khác, hết thủy vạn là nhất tánh, tuyệt đối không có hai tánh. Biết là nhất tánh, tâm liền bất động, vì sao vậy? Vì trong một tánh không có tâm để động, trong hai tánh mới có phân biệt chấp trước. Trong một tánh làm gì có phân biệt chấp trước? Trong hai tánh có năng có sở, trong một tánh không có năng và sở. Như Lục Tổ nói: “bồn lai vô nhất vật”. Quý vị thử nghĩ xem, trong bồn lai vô nhất vật có động tâm chăng? Động tâm tức không phải bồn lai vô nhất vật. Đây là giới tuyến giữa giác và mê, tâm giác là thanh tịnh, không phải động, tâm mê là vọng động. Đây là nói dĩ văn kiếp văn, dĩ sắc kiếp sắc, cho nên nói: “sắc sở bất kiếp”.

Ba câu sau cùng, tất cả phàm phu chúng sanh, họ không thấu triệt lý viên trung. Cho rằng căn trần là tương đối, vì vậy ở trong này mới vọng sanh tham nhiễm. Phạm vi dâm dục này rất rộng lớn. Trong dục giới lấy tương nhiễm nam nữ làm dâm dục. Trong sắc giới, là lấy niềm vui thiên định làm dâm dục, chúng ta phải hiểu điều này. Trong thiên định có niềm vui chân thật, vì chưa đến cảnh giới này họ không biết. Nó có thọ dụng. Quý vị xem, chúng ta nói trời sắc giới và vô sắc giới lấy thiên duyệt làm thức ăn. Thiên duyệt này có thể nuôi dưỡng thân mạng họ, nuôi dưỡng sắc thân họ, tâm tình họ an vui, niềm an vui này hơn hẳn dục giới. Trong vô sắc giới định công càng sâu, họ đắm chìm trong này, đây là nói trong tam giới.

Vậy ngoài tam giới thì sao? Còn có hàng nhị thừa tham ái thiên chân niết bàn, đây là dâm dục của hàng nhị thừa. Bồ Tát tham ái lục độ vạn hạnh, lại thích phổ độ chúng sanh, đây là dâm dục của Bồ Tát. Bởi thế phạm vi dâm dục này rất rộng lớn.

Chúng ta đọc Kinh Kim Cang, quý vị thấy Đức Phật dạy rằng, độ hết thảy chúng sanh, độ vô lượng vô biên chúng sanh, thật không có chúng sanh nào được diệt độ, đây mới gọi là đoạn tận gốc tham. Có năng độ chúng sanh, sở độ chúng sanh, tức chưa đoạn tận tham, chưa đoạn tận tham sẽ chướng ngại đại định của mình. Đối với người niệm Phật mà nói, làm chướng ngại nhất tâm bất loạn. Ta còn phải độ chúng sanh, mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp, ta có công đức rất lớn, ta đạt được nhất tâm từ đâu? Ta không đạt được nhất tâm. Không những không đạt được nhất tâm, đến công phu thành phiền đều không được, đều không đạt được, vấn đề này quả thật rất khó!

Tham ngũ dục lục trần của thế gian, ta không thể đạt được nhất tâm, công phu không thể thành tựu. Tham ái độ chúng sanh, tham hưởng công đức, không đạt được nhất tâm. Không tham những thứ đó, tôi chỉ tham nhất tâm bất loạn, tham nhất tâm bất loạn vẫn không đạt được nhất tâm. Vì sao vậy? Vì trong nhất tâm bất loạn không có cái nhất tâm bất loạn, còn có cái nhất tâm bất loạn, trong đó đã không phải nhất tâm, chính là hai tâm. Chư vị phải biết, đến nhất tâm bất loạn cũng không có, đây là nhất tâm thật sự.

Đức Phật nói, tất cả pháp này là giả danh, ta không được chấp trước giả danh này không buông. Đây là nói cái tham của Bồ Tát. Đến khi nào mới có thể đoạn tận tham này? Thiên tông nói, vô niệm, vô tâm, vô trụ, tâm tham mới có thể đoạn tận. Tâm có sở trụ, tâm tham không đoạn được.

Ngày nay chúng ta cũng học phương pháp này, chúng ta phải vô trụ, thực tế như thế nào? Thực tế tâm ta trú ở chỗ vô trú, vẫn là tâm tham. Tâm trú vào chỗ vô trú, trú vào chỗ vô tướng, tôi không nghĩ đến bất kỳ điều gì. Nếu ta thật sự tu thành là vô tướng định, quả báo tại trời vô tướng, đó là trời ngoại đạo. Phải chăng là vô tướng thật? Không phải, họ có tướng, tướng vô tướng, trú vô tướng, phân biệt vô tướng, chấp trước vô tướng. Quý vị xem, thật sự không thể đạt được, đây là chỗ khó của Phật pháp. Nói thì rất khó

nói, nghe cũng không dễ hiểu thật sự. Nếu thường thường nghe sanh ra ngộ nhận, phát sanh kiến giải sai lầm, kiến giải sai lầm là chướng ngại của tu hành chứng quả. Giáo môn thường đề xưng gọi là đại khai viên giải, trong tông môn gọi là đại triệt đại ngộ, sau đó bản thân mới có năng lực tu hành.

Đoạn bên dưới nói về sân nhuế, nói về tham sân si- phiền não căn bản. “Thập giả, thuần âm vô trần, căn cảnh viên dung, vô đối sở đối, năng linh nhất thiết, phần hận chúng sanh, ly chư sân nhuế”. Chúng ta cũng biết điều này giống như tham dục ở trước, luôn sanh ra từ trong cảnh giới tương đối. Tham dục và sân nhuế phát sanh ở hai cảnh giới, trong thuận cảnh khởi tâm tham, trong nghịch cảnh khởi tâm sân nhuế. Ở trước từng nói với chư vị, cảnh giới tham rộng lớn, cảnh giới sân nhuế và tham dục cũng vậy, rộng lớn vô cùng.

Hàng nhị thừa chán ghét xa lìa tam giới, họ chán ghét tam giới, tâm chán ghét này chính là tâm sân nhuế. Bồ Tát xem nhẹ hàng tiểu thừa, xả bỏ hai bên, quý vị thử nghĩ xem, phải chăng là tâm sân nhuế? Tâm sân nhuế của Bồ Tát. Đại Bồ Tát, đây là nói Bồ Tát kiến tánh, họ không như vậy, họ đến “thuần âm vô trần”, chú trọng ở chữ thuần. Thuần âm là gì? Là diệu âm của pháp tánh, trong này không còn thấy chút chướng ngại nào, trần tướng tức là chướng ngại. Phạm phu chúng ta nghe âm thanh này, thanh trần, Bồ Tát nghe được là thanh tánh, không giống nhau. Tánh này là thật, là vốn có, xưa nay chưa hề mất. Căn tánh của sáu căn, trần tánh của sáu trần, thức tánh của sáu thức là thật, không hề giả, đây chính là “thuần âm vô trần”. Vì sao tánh biến thành trần? Tánh mê gọi là trần. Do đây có thể biết, khi giác, sáu căn, sáu trần, sáu thức đều gọi là tánh, khi mê tánh gọi là trần. Chỉ đổi danh từ, không đổi cảnh giới. Dụng của giác ngộ là vô lượng công đức, dụng của bất giác là vô lượng phiền não. Có thể thấy Phật pháp là một giác một mê, cửa ải giác mê này không dễ phá. Nguyên nhân không dễ phá là do ngã chấp và pháp chấp, không đoạn tận chấp trước không thể nhập môn. Phạm phu chấp trước kiên cố, hàng nhị thừa có chấp trước, bên trong giữ được sự u nhân, giữ chính là chấp trước. Bồ Tát cũng có chấp trước.

Chúng ta nói thiện căn dày mỏng, nhìn từ góc độ nào? Từ chấp trước nặng hay nhẹ. Người này đối với bất kỳ điều gì đều chấp trước rất nặng, chứng tỏ thiện căn mỏng, không dễ giáo hóa, họ có chấp trước rất nặng. Người chấp trước nhẹ dễ vào đạo, người chấp trước nhẹ dễ thức tỉnh, biết rằng tất cả pháp đều là huyễn hóa, đều là giả.

Quý vị nói tôi là một con người, quý vị gọi tôi là thánh nhân, tôi biết danh tự này là giả. Gọi tôi là heo, là chó, tôi cũng không sân hận, vì sao vậy? Vì tất cả đều là giả, không phải thật. Người ta vừa khen ngợi rằng, anh là thánh nhân, ta liền hoan hỷ, tâm bị cảnh giới lay động, bị cảnh giới ô nhiễm. Nói ta là heo, liền sân si, ta cũng bị cảnh giới ô nhiễm. Không biết thế gian pháp giới là giả danh kiến lập, không có một pháp nào là thật. Đây là nói

thuần âm vô trần, thông thường chúng ta nói đã kiến tánh. Sau khi kiến tánh “căn cảnh viên dung, vô đối sở đối”.

Quý vị xem sự đối lập hiện tại của chúng ta là căn trần thức đối lập, chưa kiến tánh. Nếu một khi đã kiến tánh, căn tánh của sáu căn, trần tánh của sáu trần, thức tánh của sáu thức là một tánh không phải hai tánh. Cho nên 18 giới này không thành đối lập, biết đây là một vấn đề. Trong đó không có đối lập, sao có thể sanh sân nhuế? Vì thế tâm chán ghét không còn, đạo lý chính là đây.

Trước khi ta chưa kiến tánh, nói cách khác là có tham sân si, chỉ có thể nói là khác nhau ở chỗ sâu cạn mà thôi. Có người nặng, có người nhẹ. Phiền não rất nặng, phiền não rất nhẹ. Nặng nhẹ mà thôi, không thể đoạn tận, kiến tánh mới đoạn.

Đối với người niệm Phật mà nói, niệm đến sự nhất tâm là phục đoạn, chưa đoạn tận gốc. Vì sự nhất tâm đã có định công tương đối, đây là niệm Phật tam muội, có thể khiến phiền não không khởi hiện hành. Nếu niệm đến lý nhất tâm là đoạn tận, đó không phải phục đoạn, là diệt đoạn, quả thật không còn, Chư Phật Bồ Tát không còn. Trong không có, đôi khi vì hóa độ chúng sanh có thị hiện, sự thị hiện đó không phải thật. Bởi vậy tôi nói không có, sợ quý vị lại khởi tâm nghi, vì sao vậy? Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, quý vị thấy, ngài cũng cưới vợ, cũng sinh con. Cư sĩ Duy Ma Cật là Phật tại gia, cũng có vợ con. Khi Tỳ Da Ly thị hiện mang bệnh, chư vị A la hán đều đến thăm. Ông thấy người là mắng, tính khí rất xấu. Đó là thị hiện không phải thật, không phải thật sự có tham sân si, đó là thị hiện, chúng ta phải hiểu điều này. Nếu quý vị thấy họ, nói trường giả Duy Ma tánh khí rất xấu, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đều bị ngài mắng cho một trận. Tánh khí của ngài thật sự xấu như vậy sao? Có tâm sân nhuế sao? Không có, cho nên chúng ta phải hiểu điều này.

Chúng ta tuyệt đối không được dùng tâm phàm phu, dùng vọng tượng phân biệt chấp trước của mình để đo lường cảnh giới của Phật Bồ Tát, tội này rất lớn. Gọi là tội, tức tự mình chướng ngại mình, là tự mình tăng trưởng phiền não của mình, tăng trưởng vô minh của mình, tăng trưởng tà kiến của mình, đây gọi là tội, không phải đắc tội với người khác.

Như vừa nói, Phật Bồ Tát đều đã kiến tánh. Quý vị khen ngợi ngài, ngài cũng không sanh hoan hỷ, hủy báng ngài cũng không sân nhuế. Nếu ngài còn hoan hỷ, còn có sân nhuế, vậy chẳng khác nào hàng phàm phu, không thể gọi là thành tựu. Công phu của phàm phu gọi là nhẫn nhục, có thể nhẫn chịu được. Ngài không có nhẫn, ngài nhẫn gì? Căn bản không có phân biệt chấp trước, lìa xa năng sở, “vô đối vô sở”. Như vậy tức tất cả phiền não tham sân si đều không còn.

Chuyển biến cái không có này liền trở thành vô lượng trí tuệ, cho nên “có thể khiến tất cả chúng sanh phần hận, lìa các sân nhuế”.

Thôi, hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Hết tập 10**